UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1793/KH-SKHCN

Đồng Nai, ngày 20 tháng 12 năm 2017

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Mục tiêu 2 - Chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ vào văn bản số 5468/UBND-VX ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Mục tiêu 2 của Chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực;

Căn cứ Thông tư số 88/2017/TT-BTC ngày 22/8/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Mục tiêu 2 Đào tạo nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao, chất lượng cao giai đoạn 2016-2020 như sau (Sau đây gọi là Chương trình Đào tạo sau đại học):

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao ở các ngành mũi nhọn, then chốt. Tập trung đào tạo đội ngũ tiến sĩ, thạc sĩ giỏi về trình độ chuyên môn và hình thành đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành ở các lĩnh vực mũi nhọn mà nhu cầu của tỉnh còn thiếu.

- Đào tạo nguồn nhân lực giỏi về trình độ chuyên môn đồng thời được tiếp cận với thực tế để rèn luyện những kỹ năng trong công tác nhằm vận dụng tốt những kiến thức lĩnh hội trong quá trình được đào tạo.

- Tuyên truyền phổ biến rộng rãi chính sách ưu đãi của tỉnh để thu hút nhân tài về phục vụ cho địa phương và đặc biệt là để củng cố tình cảm, niềm tin, gắn bó với quê hương đất nước, với địa phương.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG

Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh và các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; nhân lực quản lý khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ trong tỉnh có nhu cầu đào tạo sau đại học trong lĩnh vực đào tạo nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao, chất lượng cao phù hợp với vị trí công việc để đáp ứng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác. Có ngành học thuộc các chuyên ngành mà tỉnh đang có nhu cầu:

+ **Khoa học tự nhiên**: Toán, Hóa, Lý, Công nghệ sinh học, Công nghệ thông tin, Sinh lý thực vật, Xác xuất thống kê, Môi trường, Sinh thái học…

+ **Khoa học kỹ thuật**: Kỹ thuật điện, điện tử, truyền thông, cơ khí, ô tô, kiến trúc, xây dựng, tự động hóa, chế biến lương thực, thực phẩm và công nghệ vật liệu mới.

+ **Khoa học giáo dục**: Giáo dục học, tâm lý học sư phạm, lý luận dạy học, phương pháp giảng dạy bộ môn, giáo dục mầm non.

+ **Khoa học Nông nghiệp**: Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thú y, và thủy sản.

+ **Khoa học Pháp lý**: Pháp luật hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính – nhà nước, tội phạm học và điều tra tội phạm.

III. CHỈ TIÊU

Phân bổ chỉ tiêu theo hình thức đào tạo, trình độ đào tạo:

Bậc học	Năm		
	2018	**2019**	**2020**
- <u>Thạc sĩ:</u>	**43**	**49**	**63**
+Trong nước	40	45	57
+Nước ngoài	03	04	06
- <u>Tiến sĩ:</u>	**13**	**17**	**20**
+Trong nước	12	15	17
+Nước ngoài	01	02	03
Tổng số	**56**	**66**	**83**

IV. ĐIỀU KIỆN THAM GIA

1. Có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có thành tích tốt trong công tác, có lòng yêu nước và tinh thần dân tộc; có khả năng trong công tác nghiên cứu khoa học, quản lý khoa học, quản lý sản xuất; có khả năng chỉ huy, điều hành, có triển vọng trở thành cán bộ chủ chốt, chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học và quản lý. Phải có văn bản nhận xét của cơ quan đang công tác về phẩm chất đạo đức và năng lực công tác.

2. Có cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo sẽ trở về công tác, làm việc theo phân công của tỉnh.

3. Phải có đủ hồ sơ tham gia dự tuyển.

4. Về độ tuổi tham gia Mục tiêu 2: Đối với thạc sĩ, phải còn đủ 10 năm công tác kể từ ngày tốt nghiệp và tiến sĩ phải còn đủ 15 năm công tác kể từ ngày tốt nghiệp (riêng đối với nữ là 10 năm công tác).

5. Về trình độ:

Đối với loại hình đào tạo trong nước: được đào tạo tại các trường đại học, học viện có uy tín, chất lượng, đào tạo tốt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy chế tuyển sinh Sau đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Đối với loại hình toàn phần ở nước ngoài người dự tuyển phải đáp ứng được các tiêu chuẩn sau:

- Yêu cầu đạt trình độ TOEFL®:iBT: ≥ 80 điểm (Không kỹ năng nào dưới 29) hoặc IELTS: ≥ 6.5 (Không có kỹ năng nào dưới 6.0) và đáp ứng các yêu cầu của quốc gia, trường đăng ký đến học.

- Trường hợp học bằng tiếng Hoa: Trình độ HSK (Hán ngữ quốc tế) ≥ cấp 6.

- Trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh sau Đại học trong nước, hoặc điểm GRE ≥ 1000 với 3.5 Writing (đối với những ngành khoa học kỹ thuật). Trường hợp được nước ngoài cấp học bổng tối thiểu 50% kinh phí học tập thì không cần điều kiện trúng tuyển kỳ thi cao học trong nước.

- Học tại các trường đại học ở nước ngoài có chất lượng được được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận.

V. Kinh phí

1. Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí Mục tiêu 2 được tổng hợp chung vào nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ hằng năm. Được giao trong tổng dự toán ngân sách hằng năm của Sở Khoa học và Công nghệ để chi trả cho học viên theo quy định.

3. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện theo nguyên tác:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

b) Hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập.

4. Kinh phí dự toán phân bổ theo từng năm:

Năm	**2018**	**2019**	**2020**	**Tổng cộng**
Số tiền	6.699.241.444	10.880.629.422	15.826.006.878	**33.405.877.744**

5. Các khoản chi của Chương trình

a) Chi phí cấp cho học viên được hỗ trợ 100% trong quá trình học tập, nghiên cứu (học phí và lệ phí, sinh hoạt phí, tiền tài liệu, phí xây dựng và bảo vệ luận văn, luận án tốt nghiệp).

b) Trả các chi phí hội nghị, hội thảo và các khoản chi quản lý của Văn phòng Chương trình.

c) Chi khen thưởng đối với hoạt động thực hiện nhiệm vụ.

d) Một số khoản chi theo đúng nguyên tác tài chính.

VI. QUY TRÌNH XÉT TUYỂN VÀ QUẢN LÝ HỌC VIÊN

- Những người có đủ các điều kiện đều được tham gia xét tuyển hồ sơ. Hồ sơ tham gia dự sơ tuyển phải gửi về Sở Khoa học và Công nghệ đúng thời gian được quy định theo thông báo xét tuyển, hồ sơ gồm:

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu quy định).

+ Lý lịch (theo mẫu quy định).

+ Bản cam kết (theo mẫu quy định).

+ Giấy giới thiệu của cơ quan công tác (theo mẫu quy định).

+ Bản sao các giấy tờ, văn bằng (có chứng thực).

+ Hồ sơ dự tuyển cao học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thông báo trúng tuyển sau đại học của trường.

Việc xét tuyển dựa trên các điều kiện và tiêu chuẩn quy định. Việc tuyển chọn được thực hiện theo đúng nguyên tắc xét tuyển.

Căn cứ kết quả xét tuyển, Chủ nhiệm Mục tiêu 2 sẽ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định danh sách ứng viên được tham gia Mục tiêu 2.

Kết quả trúng tuyển sẽ được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi thông báo đến những người trúng tuyển; cơ quan, đơn vị quản lý.

- Quản lý học viên

+ Việc quản lý học viên được thực hiện bằng hợp đồng đào tạo, có sự cam kết bảo lãnh của cơ quan mà học viên đang công tác.

+ Học viên tham gia chương trình, hằng năm phải báo cáo kết quả học tập, hiệu quả công tác có nhận xét và xác nhận của cơ quan đang công tác.

+ Phối hợp với cơ quan, đơn vị có CBCCVC tham gia quản lý, giám sát học viên, xử lý và báo cáo cụ thể các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ.

VII. Tổ chức thực hiện

Để đảm bảo sự thống nhất tổ chức thực hiện Mục tiêu 2 hiệu quả, đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp, tổ chức thực hiện như sau:

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Các Sở, ban ngành có liên quan tham mưu UBND tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Có trách nhiệm tổ chức bộ phận giúp việc của Chương trình để thực hiện công tác quản lý, theo dõi các hoạt động của Chương trình, đề xuất tham mưu UBND tỉnh danh sách học viên đủ điều kiện tham gia Chương trình.

- Thực hiện hợp đồng đào tạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả học tập và công tác hằng năm của học viên tham gia chương trình theo hợp đồng.

- Xây dựng dự toán kinh phí để thực hiện Mục tiêu 2, tổng hợp chung trong dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ chung của Sở Khoa học và Công nghệ gửi Sở Tài chính để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Chịu trách nhiệm tự đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện trong trường hợp tuyển chọn vượt chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng hoặc cử đi đào tạo, bồi dưỡng quá thời gian thực hiện của Mục tiêu 2.

2. Các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

- Chủ động trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với CBCC thuộc quyền quản lý.

- Căn cứ chỉ tiêu đề ra, rà soát thực trạng đội ngũ CBCC của đơn vị mình, lồng ghép các chỉ tiêu kế hoạch này vào Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC hằng năm, giai đoạn 2016-2020 tại cơ quan, đơn vị mình để triển khai thực hiện đạt hiệu quả. Chịu trách nhiệm về đội ngũ CBCC của đơn vị mình khi tham gia chương trình phải đáp ứng được điều kiện công tác cũng như học tập.

- Phối hợp chặt chẽ với Chương trình theo dõi CBCC được cử đi học và xử lý những trường hợp không hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ quy định của CBCC khi được cử đi học.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Mục tiêu 2 – Đào tạo sau đại học giai đoạn 2016-2020, đề nghị các sở, ban ngành có liên quan phối hợp tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- TTTU, TTHĐND tỉnh, BTCTU ;
- Thành viên BCĐPTNNL ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ;
- Sở Nội vụ ;
- Trung tâm Công báo ;
- Lưu: VT, VX, Sở KH&CN.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH ĐỒNG NAI

Phạm Văn Sáng